- Học sinh chuẩn bị giấy làm phiếu bài tập.

**III- Các hoạt động dạy- học**

| | |
|---|---|
| 1- Ổn định:<br>2- Kiểm tra bài cũ :<br>- Gọi 2 HS lên bảng<br>- GV nhận xét<br>3- Dạy bài mới:<br>* Hướng dẫn h/s làm bài tập<br>Bài tập 1:<br>- GV treo bảng phụ<br>- Cho hs làm cặp đôi<br><br><br><br>- GV nhận xét, chốt đáp án<br>Bài tập 2:<br>- Hdẫn học sinh làm bài tập<br><br><br>- GV nhận xét<br>- Chốt lời giải đúng, ghi bảng.<br>Bài tập 3<br>- GV giúp h/s xác định rõ yêu cầu của bài.<br>- GV nhận xét, ghi nhanh 1 số câu hay lên bảng.<br>4- Củng cố - dặn dò :<br>- Gọi HS đọc câu tục ngữ trong bài<br>- Nhận xét giờ học<br>- VN học thuộc các câu tục ngữ và chuẩn bị bài sau. | - Hát<br>- 2 em lên bảng lớp viết bảng con tiếng chỉ người trong gia đình mà phần vần có:<br><br><br>a) 1 âm(cô, bố, mẹ…)<br>b) 2 âm(bác, cậu…)<br>- HS mở sách.<br>- 1em đọc yêu cầu<br>- Từng cặp trao đổi, làm nháp<br>- Đại diện chữa bài<br>- Lớp chữa bài đúng vào vở.<br><br>- HS đọc yêu cầu bài tập<br>- Trao đổi thảo luận cặp<br>- Ghi nội dung vào phiếu<br>- Đại diện ghi kết quả.<br><br>- HS đọc yêu cầu bài tập<br>- HS làm bài cá nhân vào vở nháp<br>- Lần lượt nhiều em đọc. Lớp nhận xét<br>- Cả lớp ghi bài đúng vào vở<br><br>- Vài HS đọc |

Toán

Tiết 7. **LUYỆN TẬP**

**I. Mục đích yêu cầu:**

- Giúp HS luyện viết và đọc số có tới sáu chữ số(cả các trường hợp có chữ số 0)
- Rèn kĩ năng đọc và viết số các số có sáu chữ số thành thạo.
- Củng cố cho học sinh nhận biết các chữ số thuộc mỗi hàng

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bảng phụ chép bài 1.

- Vở nháp

**III. Các hoạt động dạy học:**

| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
|---|---|
| 1. Kiểm tra:<br>2. Bài mới:<br>a) Hoạt động 1:<br>* Ôn lại hàng<br>- Số có sáu chữ số gồm những hàng nào?<br>- Nêu mối quan hệ giữa hai hàng liền kề?<br>- GV viết số 825713 và cho HS xác định các hàng, chữ số thuộc hàng đó là chữ số nào ?<br>- GV cho HS đọc các số:<br>850203; 820004; 800007; 832100; 832010<br>b) Hoạt động 2: Thực hành<br>Bài 1:<br>- GV treo bảng và cho HS đọc<br>- GV nhận xét<br>Bài 2:<br>- Cho HS đọc số và nêu chữ số 5 ở mỗi số thuộc hàng nào?<br>- Nhận xét và sửa cho HS<br>Bài 3:<br>- Cho HS làm bài vào vở<br>- GV nhận xét, chữa bài<br>- Tuyên dương những em làm bài nhanh và đúng.<br>Bài 4:<br>- Nhận xét quy luật của từng dãy số ?<br>- Giúp HS nhận xét và rút ra kết luận<br>3. Củng cố - dặn dò:<br>- Nêu quan hệ giữa hai hàng liền kề<br>- Nhận xét giờ học.<br>- VN ôn lại các bài đã học. | - HS chữa bài tập 4<br><br><br><br>- Học sinh nêu:Hàng đv, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.<br><br><br><br>- HS nêu và xác định từng chữ số<br><br>- 4, 5 HS đọc<br><br><br>- HS đọcvà làm vào vở nháp<br>- 1HS lên bảng chữa bài<br><br><br>- HS nêu miệng cách đọc<br>- Nhận xét và bổ sung<br>- Học sinh làm bài vào vở<br><br><br>- HS nêu và viết các số vào vở<br>- Đổi vở kiểm tra<br>- 2 học sinh lên bảng chữa<br><br>- Học sinh trả lời<br>- Nhận xét<br><br>- 2 HS nêu |

Kể chuyện:

Tiết 2. **KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. Mục đích yêu cầu**

- Kể lại bằng ngôn ngữ của mình chuyện: Nàng tiên ốc.
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Con người cần yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.
- Giáo dục học sinh tinh thần giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau.

**II. Đồ dùng dạy- học:**

- Tranh minh hoạ chuyện trong SGK
- Bảng phụ ghi câu hỏi.

**III. Các hoạt động dạy- học:**

| | |
|---|---|
| 1- Ổn định<br>2- Kiểm tra bài cũ<br>- Gọi học sinh lên bảng kể câu chuyện Sự tích hồ Ba Bể.<br>- GV nhận xét.<br>3- Dạy bài mới<br>a) Giới thiệu bài:<br>SGV(61)<br>b) Tìm hiểu câu chuyện<br>- GV đọc diễn cảm bài thơ<br><br>+ Bà lão sinh sống bằng nghề gì ?<br>+ Thấy Ốc đẹp bà làm gì ?<br>+ Trong nhà bà xảy ra chuyện gì ?<br><br>+ Bà lão đã làm gì ?<br><br>+ Câu chuyện kết thúc ra sao ?<br>+ Câu chuyện trên có ý nghĩa gì ?<br>c) Hướng dẫn kể chuyện và trao đổi ý nghĩa của chuyện.<br>+ Thế nào là kể bằng lời của em ?<br><br>* Kể chuyện theo cặp<br><br><br><br>* Thi kể chuyện<br>- GV nhận xét<br>4. Củng cố - dặn dò :<br>- Nêu ý nghĩa câu chuyện vừa học.<br>- Nhận xét giờ học<br>- Về nhà tập kể lại câu chuyện cho | - Hát<br>- 2 em nối tiếp kể chuyện: Sự tích hồ Ba Bể sau đó nêu ý nghĩa của chuyện.<br>- HS nhận xét.<br><br><br><br>- Nghe giới thiệu - mở sách<br><br>- HS nghe, quan sát tranh.<br>- 3 em nối tiếp đọc 3 đoạn<br>- Nghề mò cua bắt ốc<br>- Thả vào chum nuôi<br>- Nhà cửa sạch sẽ, lợn đã ăn no, cơm nấu sẵn, vườn sạch cỏ…<br>- Bà rình xem, khi thấynàng tiên, bà đập bỏ vỏ ốc.<br>- Bà lão sống hạnh phúc bên nàng tiên,thương yêu nhau như mẹ con.<br><br>- HS nêu yêu cầu<br>- Em đóng vai người kể không phải đọc thuộc bài thơ<br>- 2 h/s trong bàn tự kể cho nhau nghe theo gợi ý câu hỏi<br>- Trao đổi - ghi ý nghĩa chuyện<br>- HS nối tiếp nhau kể lại câu chuyện và nêu ý nghĩa.<br>- Lớp nhận xét và bầu bạn kể hay.<br><br>- HS lắng nghe |

| | |
|---|---|
| mọi người nghe<br>- Chuẩn bị bài sau | |

Lịch sử

Tiết 2. **LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ**

**I- Mục đích yêu cầu**:

- Định nghĩa đơn giản về bản đồ.
- Biết một số yếu tố về bản đồ: Tên, phương hướng, tỷ lệ, kí hiệu bản đồ,...
- Các kí hiệu của một số đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ.

**II- Đồ dùng dạy học**:

- Một số loại bản đồ: Thế giới, châu lục, Việt Nam,...

**III- Các hoạt động dạy học chủ yếu**

| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
|---|---|
| 1- Kiểm tra:<br>2- Dạy bài mới:<br>+ HĐ1: làm việc cả lớp<br>B1: Treo các loại bản đồ lên bảng<br>- HDẫn HS nêu tên các bản đồ và phạm vi lãnh thổ được thể hiện<br>B2: Gọi HS trả lời<br>- Nhận xét và rút ra KL<br>+- HĐ2: Làm việc cá nhân<br>B1: Cho HS quan sát H1,2<br>- Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi SGK<br>B2: Gọi đại diện HS trả lời<br>- Nhận xét và kết luận<br>+ HĐ1: Làm việc theo nhóm<br>B1: Cho HS đọc SGK và quan sát bản đồ<br>- Tên bản đồ cho ta biết điều gì?<br>- Trên bản đồ quy định các hướng ntn?<br>Tỉ lệ bản đồ cho em biết gì?<br><br>Bảng chú giải ký hiệu ghi gì?<br><br>B2: Đại diện các nhóm trình bày<br>- GV nhận xét và giải thích<br>+ HĐ2: Thực hành vẽ một số ký hiệu bản đồ<br>B1: Làm việc cá nhân: | 1- Bản đồ:<br>- HS quan sát<br>- Thực hành lên chỉ bản đồ<br><br>- HS nêu: Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt trái đất theo một tỉ lệ nhất định<br>- Nhận xét và bổ sung<br>- HS quan sát SGK và trả lời<br>- Nhận xét và bổ sung<br>- Đại diện HS trả lời<br><br>2- Một số yếu tố của bản đồ:<br>- HS quan sát bản đồ và thảo luận<br>- Đó là bản đồ nào, ở đâu<br>- HS thực hành lên chỉ các hướng B, N, Đ, T<br>- Tỉ lệ cho biết bản đồ nhỏ hơm kích thước thật của nó bao nhiêu lần<br>- Thể hiện các đối tượng trên bản đồ<br><br>- Các nhóm lên trình bày kết quả<br>- HS nhận xét và bổ sung |

| | |
|---|---|
| - GV theo dõi và giúp đỡ HS<br>B2: Làm việc theo cặp:<br>- Yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về bản đồ và một số yếu tố của bản đồ<br>3. Củng cố dặn dò:<br>- Hệ thống bài và nhận xét giờ<br>- Thực hành xem bản đồ và chuẩn bị bài sau | - HS xem bảng chú giải ở hình 3 và thực hành vẽ<br>- Từng cặp thi đố cùng nhau: 1 em vẽ kí hiệu, một em nói kí hiệu<br><br>- Học sinh lắng nghe |

Toán ( L).

**LUYỆN TẬP**

**I. Mục đích yêu cầu** Giúp HS:

- Tính được giá trị của biểu thức chứa một chữ khi thay chữ bằng số.
- Củng cố lại cách đọc, viết, so sánh số.
- Giáo dục ý thức chăm chỉ HT.

**II. Đồ dùng dạy học** : VLTT buổi 2 tập I

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
|---|---|
| 1- Kiểm tra: Đố vui: Tìm số bé nhất có 5 chữ số có tổng các chữ số của nó bằng 12.<br>2- Bài học:<br>Bài 1: (Bài 3 trang 5 VLTT buổi 2)<br>a. Với m = 7 thì 153 - m x 5 = ...<br>b. Với n = 4 thì 264 + 68 : n = ...<br>c. Với a = 39 thì 425 - (a + 78) = ...<br>GV nhận xét và chốt kết quả đúng<br>Bài 2: (Bài 4 trang 5 VLTT buổi 2)<br>Một hình chữ nhật có chiều dài 29cm, chiều rộng 19cm. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật đó. Tính độ dài cạnh của hình vuông.<br>- GV NX và chốt kết quả đúng<br>Bài 3: (Bài 4 trang 7 VLTT buổi 2)<br>- Tìm x:<br>a) *x* x 7 = 5677 + 784<br>b) *x* : 6 = 1548 - 267<br>Bài 4: (Bài 3 trang 8 VLTT buổi 2)<br>a) 362 456; 362457; 362 458; ....; ...; .... | - HS tìm nhanh<br>- Lần lượt học sinh nêu kq của mình<br><br>- HS làm bài<br>- Đổi vở KT<br><br>- HS đọc đề bài<br>- HS làm vào vở.<br>- Vài học sinh chữa bài<br>- Nhận xét bài làm của bạn<br><br>- HS nêu các thành phần chưa biết<br>- Cả lớp tự làm vào vở<br>- 2 HS chữa bài<br><br>- HS đọc đề bài |

| | |
|---|---|
| b) 654 735; 654740; 654 745; ...; ...; .....<br>c) 458 660; 458 670; 458 680; ...; ...; ....<br>- GV cho hs tự làm vào vở<br>- Gọi HS chữa bài<br>- GV chốt kết quả đúng<br>Bài 5: Dành cho HSNK (Bài 5 trang 9)<br>Viết tất cả các số có 6 chữ số có tổng các chữ số bằng 2.<br>- Cho hs tự làm bài<br>- Gọi HSNK chữa bài<br>3- Củng cố - dặn dò:<br>- Hệ thống bài<br>- Y/c hs nêu lại nội dung vừa luyện tập<br>- Nhận xét giờ. | - Nêu quy luật viết số.<br>- HS làm bài vào vở.<br>- Học sinh lên bảng chữa<br>- Nhận xét bài làm của bạn<br><br>- 2 HS đọc đề<br>- HS làm bài<br>- Nêu cách làm<br>- Nhận xét bài làm của bạn<br><br><br>- 2 HS nêu lại |

**BÀI THỨ TƯ**

Tập đọc:

Tiết 4: **TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH**

**I- Mục đích yêu cầu:**

- Đọc lưu loát toàn bài, ngắt nghỉ hơi đúng, phù hợp thể thơ lục bát.
- Hiểu ý nghĩa bài thơ: Ca ngợi kho tàng truyện cổ Việt Nam. Đó là những câu chuyện vừa nhân hậu, vừa thông minh, chứa đựng kinh nghiệm sống quý báu của cha ông ta.
- Học thuộc lòng bài thơ.

**II- Đồ dùng dạy học:**

Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK

Bảng phụ viết câu, đoạn thơ luyện đọc.

**III- Các hoạt động dạy học:**

| | |
|---|---|
| 1- Kiểm tra bài cũ<br>- GV: Em nhớ nhất hình ảnh nào về Dế Mèn ?<br>2- Dạy bài mới<br>a. Giới thiệu bài: SGV (63)<br>b. Luyện đọc và tìm hiểu bài<br>* Luyện đọc<br>- Đọc nối tiếp đoạn<br>- GV uốn nắn cách phát âm, sửa lỗi<br>- Giúp h/s hiểu từ mới<br>- Luyện đọc cặp<br>- Đọc cả bài | - Hát<br>- 3 em nối tiếp đọc 3 đoạn bài: "Dế Mèn bênh vực kẻ yếu (T2) và TLCH<br>- Lớp nhận xét<br><br>- Nghe giới thiệu, mở sách<br>- Quan sát tranh SGK.<br><br>- HS nối tiếp đọc bài thơ theo 5 đoạn, đọc 2 lượt và luyện phát âm.<br>- 1em đọc chú giải<br>- HS luyện đọc theo cặp |